

Bản án số: 26/2022/DS-PT

Ngày: 15/9/2022

“*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Thiết Hùng

Các Thẩm phán: Ông Trần Việt Trung;
Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị: Bà Nguyễn Thị Tố Ly - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Vụ án được xét xử trực tuyến với điểm cầu thành phần tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T; Sinh năm 1975; Địa chỉ: Khối 4, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

Bị đơn: Bà Hồ Thị Ánh N; Sinh năm 1962; Địa chỉ: Khối 4, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 01/01/2020 do cần tiền để kinh doanh nên bà Hồ Thị Ánh N đã vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 280.000.000 đồng và hẹn ngày 01/01/2021 sẽ trả đủ số tiền vay. Hết thời hạn theo thỏa thuận, bà T liên tục yêu cầu bà N trả đủ số tiền trên nhưng bà N vẫn không chịu trả. Vì vậy, bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải

quyết buộc bà Hồ Thị Ánh N phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 280.000.000đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi suất là 10%/năm, tính từ ngày tiếp theo của ngày đến hạn trả nợ là ngày 02/01/2021 cho đến thời điểm xét xử với số tiền lãi là 43.265.000đồng. Tổng số tiền bà T yêu cầu bà N phải trả là 323.265.000đồng.

Tại bản tự khai ngày 11/5/2022; biên bản hòa giải ngày 11/5/2022 và tại phiên tòa, bị đơn bà Hồ Thị Ánh N trình bày: Bà Hồ Thị Ánh N thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 280.000.000đồng và đã trả hết số tiền vay nói trên, khi trả bà N không nhớ ngày trả và không viết giấy tờ gì.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án do nguyên đơn bà Nguyễn Thị T nộp cho Tòa án gồm: Bản gốc giấy mượn tiền ngày 01/01/2020; sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị T.

Bị đơn bà Hồ Thị Ánh N không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Tại bản án số 04/2022/DS-ST ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện H quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463 và khoản 1, khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Hồ Thị Ánh N về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

1. Buộc bà Hồ Thị Ánh N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 323.265.000đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng); Trong đó: Tiền nợ gốc 280.000.000đồng và tiền lãi là 43.265.000đồng.

2. Về án phí:

Bà Hồ Thị Ánh N phải chịu 323.265.000đồng x 5% = 16.163.250đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại 7.000.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số CC/2021/0000135 ngày 01/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nội dung quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/8/2022, bị đơn bà Hồ Thị Ánh N có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân

huyện H với lý do: Không đồng ý với nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm vì không đảm bảo tính khách quan của các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án; yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết phúc thẩm, bị đơn bà N không cung cấp thêm các tài liệu chứng cứ mới chứng minh cho lý do kháng cáo của mình là có căn cứ.

Tại phiên tòa: Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Hồ Thị Ánh N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Hồ Thị Ánh N là bị đơn làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét thấy, đơn kháng cáo của bị đơn phù hợp với các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Hồ Thị Ánh N phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị T với tổng số tiền 323.265.000đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng); Trong đó: Tiền nợ gốc 280.000.000đồng và tiền lãi là 43.265.000đồng. Bà N không đồng ý với yêu cầu của bà T. Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị Ánh N về yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm vì cho rằng cấp sơ thẩm đánh giá tài liệu, chứng cứ chưa khách quan, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1]. Xem xét về số tiền nợ: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Hồ Thị Ánh N có nghĩa vụ trả số tiền gốc 280.000.000đồng theo giấy mượn tiền ngày 01/01/2020, HĐXX thấy rằng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Hồ Thị Ánh N đều thừa nhận ngày 01/01/2020 có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 280.000.000đồng. Nội dung thừa nhận phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là Giấy mượn tiền ngày 01/01/2020 (Bút lục 04). Theo Giấy mượn tiền thì đến ngày 01/01/2021 bà Hồ Thị Ánh N phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay là 280.000.000đồng và không có lãi. Nhưng đến nay bà N vẫn chưa trả tiền cho bà T

là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Vì vậy, bà T yêu cầu bà N trả toàn bộ số tiền vay là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3.2]. Xem xét về lãi suất chậm trả: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Hồ Thị Ánh N trả tiền lãi suất từ ngày 02/01/2021 là 10%/năm tính đến ngày xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy tại giấy mượn tiền ngày 01/01/2020 bà N vay số tiền 280.000.000đồng, thời hạn vay đến ngày 01/01/2021, không thể hiện lãi suất nhưng do bà Hồ Thị Ánh N không trả đúng thời hạn cam kết nên việc bà T yêu cầu tính lãi suất 10%/năm từ ngày 02/01/2021 đến ngày xét xử (19/7/2022) là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự. Như vậy, cụ thể lãi suất sẽ được tính như sau: Lãi suất số tiền nợ 280.000.000đồng x 10%/năm tính từ ngày tiếp theo của ngày đến hạn trả nợ (ngày 02/01/2021 đến ngày xét xử 19/7/2022 là 564 ngày) = 280.000.000đồng x 10%/năm x 564 ngày : 365 ngày = 43.265.000đồng. Tổng số tiền bà T yêu cầu bà N phải trả cả gốc và lãi là 323.265.000đồng.

[3.3]. Đối với nội dung trình bày của bà N cho rằng đã trả hết số tiền vay nói trên cho bà T, khi trả bà N không nhớ ngày trả và không viết giấy tờ gì, nên việc bà T khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền 280.000.000đồng bà N không chấp nhận. Xét thấy, bà N chỉ trình bày ý kiến mà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc đã trả tiền cho bà T và lời trình bày của bà N không được bà T thừa nhận, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

Vì vậy, việc bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Hồ Thị Ánh N phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị T với tổng số tiền 323.265.000đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng); Trong đó: Tiền nợ gốc 280.000.000đồng và tiền lãi là 43.265.000đồng là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án một cách khách quan, toàn diện; đã tiến hành các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định của pháp luật. Việc bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm đánh giá tài liệu, chứng cứ chưa khách quan hoàn toàn không có căn cứ.

Từ những căn cứ trên, HĐXX xét thấy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên nội dung của bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện H.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn là Hồ Thị Ánh N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị Ánh N; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện H.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463 và khoản 1, khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Hồ Thị Ánh N. Buộc bà Hồ Thị Ánh N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 323.265.000đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng); Trong đó: Tiền nợ gốc 280.000.000đồng và tiền lãi là 43.265.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Theo quy định tại Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Hồ Thị Ánh N phải chịu số tiền 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số CC/2021/0000208 ngày 18/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện H;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thiết Hùng